

Phụ lục I

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA TRƯỜNG MẪU GIÁO LONG THUẬN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THƯƠNG HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON

1. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường mẫu giáo Long Thuận.

2. Địa chỉ trụ sở chính: Ấp 2, Xã Long Thuận, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Điện thoại: 02 723 863765

Địa chỉ thư điện tử: c0longthuantt.longan@moet.edu.vn

Cổng thông tin điện tử: maugiaolongthuan.pgdtthuthua.edu.vn

3. Loại hình cơ sở giáo dục: sự nghiệp công lập.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

Sứ mệnh, tầm nhìn: Giai đoạn từ 2026 đến năm 2030: trường phát triển thêm 01 lớp 4-5 tuổi; tham mưu các cấp lãnh đạo san lấp mặt bằng diện tích đất cái ao phía sau nhà ăn của trẻ, xây mới nhà bếp, kho thực phẩm, dời nhà bếp sang gần nhà ăn của trẻ, xây dựng thêm cảnh quan môi trường bên ngoài trường, trang bị thêm cây kiểng và chăm sóc cây xanh, hoa, cây kiểng, tạo môi trường xanh, sạch, đẹp. Thu hút phụ huynh đưa trẻ ra lớp đạt tỷ lệ theo quy định của ngành.

Mục tiêu: Đơn vị trường mẫu giáo Long Thuận thực hiện nhiệm vụ Nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ từ ba đến năm tuổi theo Chương trình giáo dục mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, duy trì phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi, quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên, phối hợp ba môi trường giáo dục nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ, tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em tham gia các hoạt động xã hội trong cộng đồng, quản lý tốt cơ sở vật chất nhà trường, đảm bảo tài sản cơ quan, đơn vị.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục:

Trường mẫu giáo Long Thuận được thành lập vào tháng 10 năm 2005 trên cơ sở tách các lớp mẫu giáo ghép từ Trường tiểu học Long Thuận, trường có 01 điểm chính, với tổng diện tích đất là: 10.510 m². Từ khi thành lập cho đến nay là 20 năm. Đến nay trường đã phát triển được 05 lớp, có 11 giáo viên, 01 HT, 01 PHT, 01 nhân viên bảo vệ, 01 nhân viên kế toán và 02 nhân viên cấp dưỡng. Nhà đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Hiệu trưởng luôn tích cực tham mưu với các cấp lãnh đạo đầu tư cơ sở vật chất đầy đủ đáp ứng nhu cầu dạy và học của trẻ. Chất lượng giáo dục của nhà trường ngày một được nâng lên. Trường đã có nhiều năm liền được UBND huyện công nhận danh hiệu lao động tiên tiến và được giấy khen của UBND huyện khen có thành tích tốt trong các năm học. Kết quả thi đua: trường có 100% giáo viên dạy giỏi cấp trường, trường có 04 giáo viên dạy giỏi cấp huyện, 01 giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, 02 Cán

bộ quản lý được UBND Tỉnh tặng bằng khen của UBND tỉnh, 01 cán bộ quản lý và 01 giáo viên được BGDDT tặng bằng khen, có 01 giáo viên được Thủ tướng chính phủ tặng bằng khen và nhiều thành tích phong trào khác. Kết quả chi bộ: chi bộ luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (Trong đó có 05 năm chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 2015, 2021, 2022, 2023, 2024). Chi bộ được UBND huyện khen thưởng có thành tích tốt trong học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh năm 2022, giai đoạn 2021-2024 và có 03 đảng viên được khen thưởng về việc học tập và làm theo lời Bác. Tháng 02/2024: Trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 1.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

Nguyễn Thị Kim Tuyền, chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mẫu giáo Long Thuận.

Số điện thoại: 091 8 835 377.

Địa chỉ thư điện tử: kimtuyenlongthuan@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

Quyết định thành lập: quyết định số 2639/QĐ.UBND, Thủ Thừa, ngày 05 tháng 10 năm 2005 Quyết định về việc thành lập Trường Mẫu Giáo Long Thuận.

Quyết định công nhận hội đồng trường: Quyết định số 315/QĐ-PGDĐT, Thủ Thừa, ngày 02 tháng 04 năm 2021. Quyết định thành lập Hội đồng trường-Trường Mẫu giáo Long Thuận.

Danh sách thành viên Hội đồng trường từ ngày 02 tháng 04 năm 2021:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Nhiệm vụ trong Hội đồng	Ghi chú
01	Bà: Nguyễn Thị Kim Tuyền	1981	Hiệu trưởng-Bí thư Chi bộ	Chủ tịch hội đồng	
02	Bà: Nguyễn Thị Minh Thư	1983	GV kiêm tổ Phó chuyên môn	Thư ký Hội đồng	
03	Bà: Trịnh Ngọc Giàu	1986	GV kiêm Tổ chuyên môn	Thành viên	
04	Bà: Phạm Thị Thúy Hằng	1993	Giáo viên kiêm CTCD CS	Thành viên	
05	Bà: Trương Thị Thùy Ngân	1987	Nhân viên kế toán-Văn	Thành viên	

			thư		
06	Ông: Bùi Văn Khương	1977	PCT UBND Xã Long Thuận	Thành viên	ĐD chính quyền địa phương
07	Ông: Lê Văn Grơng	1964	Trưởng ban ĐD cha mẹ học sinh.	Thành viên	ĐD Ban ĐD cha mẹ trẻ

Danh sách thành viên Hội đồng trường từ ngày 12 tháng 05 năm 2025:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Nhiệm vụ trong Hội đồng	Ghi chú
01	Bà: Nguyễn Thị Kim Tuyền	1981	Hiệu trưởng-Bí thư Chi bộ	Chủ tịch hội đồng	
02	Bà: Nguyễn Thị Minh Thư	1983	GV kiêm tổ trưởng tổ chuyên môn	Thư ký Hội đồng	
03	Bà: Trịnh Ngọc Giàu	1986	Phó Hiệu trưởng	Thành viên	
04	Bà: Nguyễn Thị Thúy Thanh	1986	Giáo viên kiêm CTCĐ CS	Thành viên	
05	Bà: Dương Thị Hồng Ngọc	1986	Nhân viên kế toán-Văn thư	Thành viên	
06	Ông: Bùi Văn Khương	1977	PCT UBND Xã Long Thuận	Thành viên	ĐD chính quyền địa phương
07	Ông: Bùi Chí Hiếu	1964	Trưởng ban ĐD cha mẹ học sinh.	Thành viên	ĐD Ban ĐD cha mẹ trẻ

Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định số 489/QĐ-UBND ngày 02 tháng 03 năm 2021 của UBND Huyện Thủ Thừa “Về việc bổ nhiệm cán bộ quản lý trường học.

Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng: Quyết định số 451/QĐ-UBND ngày 22 tháng 04 năm 2022 của UBND Huyện Thủ Thừa “Về việc bổ nhiệm cán bộ quản lý trường học.

Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn sơ đồ tổ chức.

Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Kế hoạch chiến lược phát triển của trường: Kế hoạch số 127/KH-MGLT ngày 08/19/2020 của Trường Mẫu giáo Long Thuận về kế hoạch chiến lược phát triển Trường Mẫu giáo Long Thuận giai đoạn 2020 đến năm 2025 định hướng đến năm 2030; quy chế dân chủ ở cơ sở số: 44/QC-MGLT, ngày 13 tháng 03 năm 2025, Nghị quyết của Hội đồng trường số 175/NQ-MGLT, ngày 18 tháng 03 năm 2024; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính, quy chế nội bộ (nếu có).

II. DẠNG NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			T	S	DH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	17			17	00	00		00	09	05	08	05	00	00
I	Giáo viên	11			11	00	00		00	07	04	06	05	00	00
1	Nhà trẻ	00			00				00	00	00	00	00	00	00
2	Mẫu giáo	11			11	01	00		00	07	04	06	05	00	00
II	Cán bộ quản lý	02			02					01	01	02	00	00	00
1	Hiệu trưởng	01			01						01	01	00	00	00
2	Phó hiệu trưởng	01			01					01		01	00	00	00
III	Nhân viên														
1	Nhân viên văn thư	00													
2	Nhân viên kế toán	01			01					01					
3	Thủ quỹ	00													
4	Nhân viên y tế	00													
5	Nhân viên khác	03						03							

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
-----	----------	----------	-----------

I	Tổng số phòng	06	Số m²/trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	06	85 m ²
2	Phòng học bán kiên cố	00	00
3	Phòng học tạm	00	00
4	Phòng học nhờ	00	00
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	10.510 m²	83,4 m²
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	2,012,6 m²	15,96 m²
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	660 m ²	5,23 m ²
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	00	00
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	76,4	0,68 m ² /trẻ
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	38,88 m ²	0.30 m ²
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	48 m ²	0.38 m ² /trẻ
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	48 m ²	0.38 m ² /trẻ
7	Diện tích nhà bếp và kho	38,7 m ²	0,3 m ²
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	5 bộ	Số bộ/nhóm lớp
1	Số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo qui định	5 bộ	5/5 lớp
2	Số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với theo qui định	00	00
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	3 bộ	3 bộ/5 lớp
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số...)	1 bộ máy chiếu, 5 bộ máy vi tính	5 bộ/5 lớp
IX	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác	01 máy chiếu	
1	Ti vi	05 cái	05 cái/05 lớp

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m²)			
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em
			Chung	Nam/Nữ	Chung Nam/Nữ

1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02	00	05	00	14,4 m ² / phòng
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	00	00	00	00	

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDDT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIV	Kết nối internet (ADSL)	X	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XVI	Tường rào xây	X	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): **Trường Mẫu giáo Long Thuận.**

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Thông tư số 19/2018/TT-BGDDT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

- Mức độ đạt kiểm định: chuẩn quốc gia Mức độ 1, kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2.

- Thời gian hiệu lực: từ ngày 15/02/2024 đến ngày 15/02/2029

V.KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Mẫu giáo		
			3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	126	18	39	69
1	Tổng số nhóm, lớp ghép		0	0	0
2	Số trẻ em tính bình quân/nhóm		0	0	0
3	Số trẻ em học nhóm, lớp ghép (nếu có)		0	0	0
4	Số trẻ em học 02 buổi/ngày		0	0	0
5	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	126	18	39	69
6	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	126	18	39	69
7	Số trẻ cân nặng bình thường	95	16	31	48

8	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	9	1	4	4
9	Số trẻ có chiều cao bình thường	123	17	39	67
10	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	3	1	0	2
11	Số trẻ thừa cân béo phì	19	0	4	15
12	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	126	18	39	69
13	Kết quả thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ 05 tuổi	84			84
14	Số trẻ em khuyết tật	3	1	2	0

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai tài chính năm 2024

Nhà trường thực hiện công khai quyết toán kinh phí năm 2024 chi tiết như sau:

STT	NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN DT
A	Tổng số thu, chi tiền học phí	
1	Số thu phí, lệ phí	112.897.000
a	Học phí	76.857.500
b	Thu từ cấp bù học phí	36.039.500
2.	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi giáo dục mầm non	149.044.184
a	Chi cho con người	91.767.639
b	Chi hoạt động	57.276.545
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.653.494.790
1	Chi giáo dục mầm non	5.653.494.790
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.523.151.930
	Chi cho con người	2.326.157.578
	Chi hoạt động	196.994.352
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.063.175.500
	Phụ cấp lương	0
	Kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm bổ sung cơ sở vật chất	3.023.546.000
	Cấp bù miễn giảm học phí	36.039.500
	Hỗ trợ ăn trưa trẻ 3,4,5 tuổi	2.240.000
	Hỗ trợ chi phí học tập cho hộ nghèo, trẻ	1.350.000

	khuyết tật	
1.3	Kinh phí cải cách tiền lương	67.167.360

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về miễn giảm học phí và hỗ trợ ăn trưa, chi phí học tập đối với người thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm 2024.

STT	Đối tượng miễn, giảm học phí theo nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của chính phủ	Số tiền
1	Hỗ trợ ăn trưa 3,4,5 tuổi	2.240.000
2	Hỗ trợ chi phí học tập	1.350.000

3. Số dư các quỹ năm 2024 - Quỹ tiền mặt: 0

Long Thuận, ngày 31 tháng 12 năm 2024

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Thị Kim Tuyền